

TP.HCM, ngày 29 tháng 7 năm 2025

Số: 239 /PCTT-VPĐK-ĐK

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI
28 HỒ SƠ KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG KẾT HỢP THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TẠI LÔ 1-16, SỐ 20 NGUYỄN THIỆN THÀNH, PHƯỜNG AN
KHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Thuế cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ: (theo danh sách đính kèm 28 hồ sơ) 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 28/6/2025.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 28 hồ sơ) 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ:..... 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .. 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 2; Tờ bản đồ số: 66; 3.1.2. Địa chỉ tại: Chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ tại lô đất 1-16, số 20 đường Nguyễn Thiện Thành, phường Thủ Thiêm, thành phố Thủ Đức, (nay là phường An Khánh), Tp.HCM; 3.1.3. Giá đất: 295.000.000 đồng/m ² . (đường Nguyễn Thiện Thành/từ đường Trần Bạch Đằng đến nút giao đường Trần Bạch Đằng, đường Tố Hữu) - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m ² . - Giá đất cụ thể:.....m ² . - Giá trúng đấu giá:.....m ² . - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:..... 3.1.4 Diện tích thửa đất: 14.968,6 m ² - Diện tích sử dụng chung: 14.968,6 m ² - Diện tích sử dụng riêng:m ² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m ²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (theo Quyết định số 4084/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND Thành phố). 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT79301 ngày 31/12/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 28 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ; 3.2.2. Diện tích sử dụng: m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²; 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung; 3.2.5. Số tầng: 12 tầng + 01 hầm; 3.2.6. Nguồn gốc: -/- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2019; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm. Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận; - Biên bản bàn giao căn hộ; - Hợp đồng mua bán căn hộ, Phụ lục Hợp đồng, Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán (nếu có); - Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư. <i>Ghi chú: Công ty Cổ phần Quốc Lộc Phát và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.</i>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty Cổ phần Quốc Lộc Phát;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:159/25(28hs)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH 28 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
DỰ AN KHU CHUNG CƯ CAO TẦNG KẾT HỢP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI LÔ 1-16, SỐ 20 NGUYỄN THIÊN THÀNH, PHƯỜNG AN KHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Đính kèm Phiếu chuyển số...../PC-VPĐK-DK ngày 29/1/2025 của Văn phòng ĐKDD TP)

STT	Số Biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Mã căn hộ theo hợp đồng	Mã căn hộ cấp theo quyết định cấp số nhà	Tầng	Diện tích thông thủy (m2)	Diện tích tìm tường(m2)	Loại tài sản	Hình thức sở hữu	HĐMB ngày
1	159	Ông: LÊ MINH ĐỨC Năm sinh 1979; CCCD Số: 042079015850; Bà: NGUYỄN THỊ TUYẾT Năm sinh 1986; CCCD Số: 040186003067	H03.07	03.07, THÁP A	3	91.8	98.8	Căn Hộ	Chung	9/4/2020
2	160	Ông: NGUYỄN PHI LÂM Năm sinh 1979; CCCD Số: 054079011955; Bà: NGÔ THỊ NGỌC HẠ Năm sinh 1983; CCCD Số: 079183022636	H03.11	03.11, THÁP A	3	91.8	98.8	Căn Hộ	Chung	4/17/2020
3	161	Bà: NGUYỄN THỊ TƯỜNG OANH Năm sinh 1966; CCCD số 079166007534 Ông: NGUYỄN THANH NGUYỄN Năm sinh 1965; CCCD số 139065000167	H03A.09	3A.09 THÁP A	03A	81.6	87.3	Căn Hộ	Chung	24/03/2020
4	162	Bà: NGUYỄN THỊ TƯỜNG OANH Năm sinh 1966; CCCD số 079166007534 Ông: NGUYỄN THANH NGUYỄN Năm sinh 1965; CCCD số 139065000167	H05.01	5.01 THÁP A	5	66.7	71.8	Căn Hộ	Chung	27/03/2020
5	163	Ông: LÊ ĐÌNH ĐIỂM Năm sinh 1959; CCCD số 079059003149 Bà: HOÀNG TUYẾT AN Năm sinh 1963; CCCD số 031163008748	A05.03A	5.03A THÁP A	5	46.5	50.8	Căn Hộ	Chung	19/11/2024
6	164	Ông: TRẦN CHIÊM ĐỨC TÀI Năm sinh 1984; CC số 079084007365 Bà: HUYNH MỸ LINH Năm sinh 1989; CCCD số 079189035746	H05.11	5.11 THÁP A	5	98.0	104.4	Căn Hộ	Chung	28/05/2020
7	165	Ông: LÊ DANH HOÀNG Năm sinh 1983; CCCD số: 019083008707 Bà: TRẦN HỒNG HẠNH Năm sinh 1991; CC số: 001191004632	H05.12B	05.12B THÁP A	5	64.6	70.7	Căn Hộ	Chung	30/03/2020
8	166	Bà: CAO HỒNG NHUNG Năm sinh 1981; CCCD Số: 001181007385 Ông: ĐỖ DUY ANH Năm sinh 1981; CCCD số 046081010042	H08.02	8.02 THÁP A	8	46.5	51	Căn Hộ	Riêng	27/03/2020
9	167	Bà: TRƯƠNG TÚ HOA Năm sinh 1982; CCCD số 094182000235	H09.03	9.03 THÁP A	9	46.5	50.8	Căn Hộ	Chung	21/05/2020

10	168	Ông: LÊ TRÍ TIN Năm sinh 1976; CCCD Số: 077076000003 Bà: NGÔ THỊ KIM ANH Năm sinh 1984; CCCD Số: 075184000031	H09.07	09.07, THÁP A	9	46.5	50.8	Căn Hộ	Chung	31/03/2020
11	169	Ông: NGUYỄN CHÍ CƯỜNG Năm sinh: 1979; CCCD: 001079004114 Bà: ĐẶNG HUƠNG GIANG Sinh năm: 1984; CC: 001184004444	H10.08	10.08 THÁP A	10	46.5	50.8	Căn Hộ	Chung	18/03/2020
12	170	Bà: ĐẶNG TRÚC THUY Năm sinh 1990; CCCD Số: 091190024263	H11.02	11.02 THÁP A	11	46.5	50.8	Căn Hộ	Riêng	10/4/2020
13	171	Ông: DƯƠNG VĂN TƯỜNG Năm sinh: 1976; CCCD số 091076000042 Bà: LÂM DUY NHUNG Năm sinh: 1981; CCCD số 091181000240	B01.20	1.20 THÁP B	1+2	223.4	238.2	Căn Hộ	Chung	20/12/2020
14	172	Ông: DƯƠNG VĂN TƯỜNG Năm sinh: 1976; CCCD số 091076000042 Bà: LÂM DUY NHUNG Năm sinh : 1981; CCCD số 091181000240	B01.22	1.22 THÁP B	1+2	183.9	196.9	Căn Hộ	Chung	20/12/2020
15	173	Ông: NGUYỄN HAI ĐĂNG Năm sinh 1981; CC số 079081008420 Bà: LÊ THỊ ANH THƯ Năm sinh 1984; CC số 083184000666	B03.07	03.07 THÁP B	3	92	99.4	Căn Hộ	Chung	1/8/2021
16	174	Ông: NGUYỄN HAI ĐĂNG Năm sinh: 1981; CC số 079081008420 Bà: LÊ THỊ ANH THƯ Năm sinh: 1984; CC số 083184000666	B03A.07	03A.07 THÁP B	03A	91.1	99.2	Căn Hộ	Chung	1/8/2021
17	175	"Ông: QUÁCH TOÀN THUẬN Năm sinh 1983; CCCD Số: 079083003762	L03A.12	03A.12, THÁP B	03A	105.2	113.4	Căn Hộ	Riêng	13/04/2020
18	176	"Ông: ĐẶNG NHẤT HẢO Năm sinh 2000; CC Số: 082200010377	L06.01	6.01, THÁP B	6	46.5	50.7	Căn Hộ	Riêng	28/02/2025
19	177	Ông: NGUYỄN BỬU DUY Năm sinh 1989; CCCD số 082089000329 Bà: LƯƠNG NGỌC LAN Năm sinh 1990; CCCD số 075190001075	L08.05	8.05, THÁP B	8	45.5	49.5	Căn Hộ	Chung	10/4/2020
20	178	Bà: CAO THỊ THANH QUỲNH Năm sinh 1985; CC Số: 046185000440	P03.02	3.02, THÁP C	3	126.3	134.1	Căn Hộ	Riêng	01/04/2020
21	179	Bà: HỒ NGỌC THUY Năm sinh 1979; CCCD Số: 079179031770	P05.01	05.01, THÁP C	5	64.4	69.8	Căn Hộ	Riêng	10/4/2020
22	180	Bà: NGUYỄN BẢO NGỌC Năm sinh 1991; CCCD Số: 001191024393 Ông: DẶNG NGỌC THĂNG Năm sinh 1985; CCCD Số: 033085011564	C05.07	05.07 THÁP C	5	46.5	51.1	Căn Hộ	Chung	17/02/2025
23	181	Bà: BẠCH MINH MINH Năm sinh 1987; CCCD số 001187040989 Ông: BẠCH THÀNH HUNG Năm sinh 1980; CCCD số 024080002657	P08.11	8.11 THÁP C	8	159.3	171.6	Căn Hộ	Chung	31/03/2020
24	182	Bà: TRẦN THỊ TRÚC LY Năm sinh 1972; CCCD số 046172000113 Ông: TRẦN NGỌC CHUÔNG Năm sinh 1964; CCCD số 079064002755	P09.06	9.06 THÁP C	9	45.7	50.1	Căn Hộ	Chung	3/20/2020

25	183	Bà: LƯU BẢO HƯƠNG Năm sinh 1979; CCCD Số: 001179045347	P10.01	10.01 THÁP C	10	64.4	69.8	Căn Hộ	Riêng	31/03/2020
26	184	Ông: DUONG KEITH Năm sinh 1969; Hộ chiếu Số: A35350336	P12.02	12.02 THÁP C	12	46.7	50.8	Căn Hộ	Riêng	3/24/2020
27	185	Ông: T.A YEUNG STEVEN Năm sinh 1991; CC Số: 140091000102	P12.09	12.09 THÁP C	12	47.0	52.2	Căn Hộ	Riêng	3/26/2020
28	186	Ông: T.A YEUNG STEVEN Năm sinh 1991; CC Số: 140091000102	P12.10	12.10 THÁP C	12	47.3	52.4	Căn Hộ	Riêng	3/16/2020

✓

✓

